

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Ước thực hiện		So sánh (%)			
					Quý II/2025		6 tháng đầu năm 2025	
			Quý II/2025	6 tháng đầu năm 2025	Dự toán	Cùng kỳ năm trước	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí	1.030,0	110,3	527,3	10,7%		51,2%	
1.1	Lệ phí	43,0	0,2	1,1	0,3%		2,4%	
	Lệ phí thủ tục hành chính cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc	12,0	0,0					
	Lệ Phí Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài. Tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	31,0	0,2	1,1				
1.2	Phí	987,0	110,1	526,2	11,2%		53,3%	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	150,0	23,2	36,7				
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn)	87,0	33,8	92,5				
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	200,0	43,0	287,7				
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		10,1	10,1				
	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường	550,0	0,0	99,3				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	100,00						

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Ước thực hiện		So sánh (%)			
					Quý II/2025		6 tháng đầu năm 2025	
			Quý II/2025	6 tháng đầu năm 2025	Dự toán	Cùng kỳ năm trước	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	Chi sự nghiệp							
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường							
2	Chi quản lý hành chính	100,0						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	100,0						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ							
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	930,0	46,7	331,4	5,0%		35,6%	
3.1	Lệ phí	43,0	0,2	1,1	0,3%		2,4%	
	Lệ phí thủ tục hành chính cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc	12,0	0,0	0,0				
	Lệ Phí Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài. Tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	31,0	0,2	1,1				
3.2	Phí	887,0	46,6	330,3	5,3%		37,2%	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	150,0	11,6	25,1				
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn)	87,0	3,4	62,1				
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	100,0	21,5	133,8				
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		10,1	10,1				
	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường	550,0	0,0	99,3				

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Ước thực hiện		So sánh (%)			
					Quý II/2025		6 tháng đầu năm 2025	
			Quý II/2025	6 tháng đầu năm 2025	Dự toán	Cùng kỳ năm trước	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	165.542,0	28.042,4	43.170,2	16,9%		26,1%	
1	Chi quản lý hành chính	74.586,0	21.455,0	34.309,7	28,8%		46,0%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24.324,0	5.263,0	9.979,0	21,6%		41,0%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	50.262,0	16.192,0	24.330,7	32,2%		48,4%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	5.647,0	650,0	2.039,0	11,5%		36,1%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.561,0	492,0	1.744,0	13,8%		49,0%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.086,0	158,0	295,0	7,6%		14,1%	
3	Chi hoạt động kinh tế	85.309,0	5.937,4	6.821,5	7,0%		8,0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.668,0	927,0	927,0	34,7%		34,7%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	82.641,0	5.010,4	5.894,5	6,1%		7,1%	

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2025

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hoài Nam